CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/CBTT-SDG.2026	*Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2026 như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**** Tài liệu đính kèm:***
Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026.
Văn bản giải trình.
Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận :
- Như trên;
- TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.

Mai Công Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN **SADICO CẦN THƠ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 39/CBTT-SDG.2026 *V/v giải trình BCTC Quý 3/2026*	*Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2026 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1).

* Giải trình nguyên nhân: Kinh tế thế giới có nhiều biến động do chiến tranh làm chi phí đầu vào tăng, dẫn đến kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo giảm so với cùng kỳ năm 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

Nơi nhận :
- Như trên;
-TTHCNS, TTTC;
- Website Công ty.

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		So sánh	
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.544.200.276	46.401.757.822	142.442.454	0%
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**46.544.200.276**	**46.401.757.822**	**142.442.454**	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.079.766.390	40.935.787.719	143.978.671	0%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**5.464.433.886**	**5.465.970.103**	**(1.536.217)**	0%
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động TC	22	VI.3	(555.940.937)	366.519.087	(922.460.024)	-252%
8. Chi phí tài chính	*23*	VI.4	1.194.278.277	967.941.329	226.336.948	23%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		*1.194.278.277*	*967.941.329*	*226.336.948*	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	606.650.600	668.776.925	(62.126.325)	-9%
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	3.168.239.860	3.692.639.061	(524.399.201)	-14%
11. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	27					
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(60.675.788)**	**503.131.875**	**(563.807.663)**	
13. Thu nhập khác	31	VI.7	275.067.298		275.067.298	
14. Chi phí khác	32	VI.8				
15. Lợi nhuận khác	**40**		**275.067.298**		**275.067.298**	
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**214.391.510**	**503.131.875**	**(288.740.365)**	
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**214.391.510**	**503.131.875**	**(288.740.365)**	-57%